

# ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA TỤC NGỮ ANH CỦA CÂU TỤC NGỮ ANH VỀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

LÊ THỊ HIỀN

Email: hientianganh1975@gmail.com

Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương

## THE CULTURAL CHARACTERISTICS OF ENGLISH PROVERBS RELATED TO WORKING EXPERIENCE

### TÓM TẮT

Trong ngôn ngữ của bất kỳ dân tộc nào cũng đều chứa đựng những thành tố văn hóa của dân tộc đó và trong đó, bộ phận hàm chứa các giá trị văn hóa sâu đậm nhất là tục ngữ vì chúng được đúc kết nên từ cuộc sống lao động và đấu tranh của con người qua lịch sử chinh phục thiên nhiên và xây dựng xã hội. Chúng là tinh hoa, là kho báu vô giá về kinh nghiệm sống, đồng thời là những dấu ấn văn hóa đặc sắc của của một vùng đất, một lãnh thổ, một cộng đồng và một dân tộc.

*Từ khóa:* Tục ngữ, văn hóa, kinh nghiệm lao động sản xuất



### ABSTRACT

There are elements of national cultures in the languages of any nations, in which proverbs contain the deepest cultural values because they have been formed from people's working life and struggles through the history of conquering nature and developing society. They are the quintessence, the invaluable treasure on living experiences as well as the unique cultural imprints of a land, a territory, a community and a nation in general. In this paper, we have studied proverbs definitions, cultural concepts, the relationships between language and culture, the cultural characteristics of proverbs related to working experience.

*Keywords:* Proverbs, culture, working experiences

### Đặt vấn đề (Statement)

Tục ngữ là hiện tượng ngôn ngữ phản ánh rõ nét đặc tính dân tộc, đặc điểm văn hóa và những nét đặc sắc trong ngôn ngữ, đồng thời đúc kết những kiến thức, kinh nghiệm, phản ánh nhiều lĩnh vực đa dạng của đời sống xã hội, tư duy, quan niệm sống và phong tục tập quán của mỗi dân tộc. Nghiên cứu tục ngữ

của một dân tộc cho ta những hiểu biết sâu sắc về dân tộc đó.

Qua các công trình đi trước và sự chiêm nghiệm của bản thân, chúng tôi thấy rằng văn hóa dân tộc được phản ánh đậm nét nhất, phong phú nhất trong lĩnh vực của đời sống là kinh nghiệm lao động sản xuất.

### 1. Khái niệm tục ngữ (Definitions of Proverbs)

Mieder (1993) đã định nghĩa “Tục ngữ là một câu nói ngắn gọn thể hiện sự thông thái” [7; tr.5]. Cũng trong trang đó ông định nghĩa một câu tục ngữ là câu nói ngắn trong dân gian chứa đựng sự thông thái, sự thật, đạo đức và quan điểm truyền thống theo hình thức dễ nhớ, có cấu trúc cố định, có nghĩa ẩn dụ và được truyền từ thế hệ này tới thế hệ khác. Bên cạnh đó, Dundes (1994) cho rằng hầu như các định nghĩa về tục ngữ đều nói một cách khái quát hóa về một lời khuyên răn, triết lý [3; tr.45].

Trong cuốn từ điển *The penguin dictionary Proverbs* (Bloomsbury books - London) của tác giả Rosalind Fergusson có trên 6000 câu tục ngữ tiếng Anh. Trong cuốn sách này, tục ngữ được định nghĩa: “Là một thông báo dễ nhớ, súc tích hàm chứa lời khuyên răn, cảnh báo, phán đoán” [9; tr.2]. Nói cách khác, tục ngữ là câu nói truyền thống ngắn gọn thể hiện chân lý, hay giới thiệu bài học đạo đức. Trong công trình nghiên cứu *Trend in Linguistics: How Proverbs Mean: Semantic Studies in English Proverbs* “tác giả Neil R, Norrick đã định nghĩa tục ngữ là một hình thức đàm thoại điển hình có chức năng giáo dục và không có liên quan tới bất kỳ nguồn cụ thể nào” [8; Tr.51-55]. Qua các định nghĩa trên, có thể thấy rằng các nhà ngôn ngữ học trên thế giới đã nêu những nội dung cơ bản của khái niệm về tục ngữ từ những khía cạnh khác nhau. Tục ngữ được biết là tổng hợp những kinh nghiệm hàng ngày, là lời răn dạy và quan sát về những hiện tượng xung quanh cuộc sống con người. Hầu hết các định nghĩa trên giúp làm sáng tỏ những đặc tính nổi bật của tục ngữ, xét về hình thức là ngắn gọn có hình thức cố định. Về mặt nội dung thể hiện chân lý, bài học đạo đức, lời khuyên. Tục ngữ là một hiện tượng ngôn ngữ thể hiện sự sáng tạo của con người.

### 2. Khái niệm văn hóa (Definitions of Culture)

Vấn đề văn hóa hiện nay đang được nhiều quốc gia quan tâm vì nó là cội nguồn của sự phát triển xã hội, có vị trí quan trọng điều tiết xã hội. Văn hóa là khái niệm nội hàm rộng, liên quan tới mọi mặt vật chất và tinh thần của con người nhưng không phải đơn giản để định nghĩa nó. Nhiều nhà ngôn ngữ học hiện nay đã đưa ra các định nghĩa về văn hóa tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có một định nghĩa thống nhất về văn hóa vì các nhà nghiên cứu trên thế giới và trong nước nghiên cứu theo các tiêu chí khác nhau:

Hofstede (1980) đã định nghĩa văn hóa là “the collective programming of the mind, which is passed from generation to generation, it is changing all the time because each generation adds something of its own before passing it on” Tổng thể giá trị tinh thần tạo ra sự khác biệt giữa các tộc người được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, nó vận động không ngừng và luôn được vun đắp trong từng thế hệ” [4; Tr.21-23].

Trần Ngọc Thêm (1999) đã định nghĩa văn hóa là hệ thống giá trị vật chất và tinh thần được con người sáng tạo và gìn giữ trong các hoạt động thực tiễn. Văn hóa tinh thần bao gồm toàn bộ những sản phẩm do hoạt động sản xuất tinh thần của con người tạo ra: Tư tưởng, tín ngưỡng - tôn giáo, nghệ thuật, lễ hội, phong tục, đạo đức, ngôn ngữ, văn chương: “Văn hóa là hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội” [1].

Như vậy, dù có một vài khác biệt song mọi định nghĩa đều thống nhất văn hóa có các đặc điểm sau: Thứ nhất, văn hóa là sản phẩm của con người, thuộc về con người. Chính văn hóa tham gia vào việc tạo nên con người, và duy trì sự bền vững và trật tự xã hội. Thứ hai, văn hóa bao gồm cả những sản phẩm vật chất và tinh thần do con người sáng tạo được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua quá trình xã hội hóa. Văn hóa được tái tạo và phát triển trong quá trình hoạt động và tương tác xã hội của con người.

### 3. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa (*The relationship between language and culture*)

Theo Humboldt, các ngôn ngữ khác nhau thể hiện các thế giới quan khác nhau, hay nói cách khác, sự khác nhau giữa các ngôn ngữ không phải chỉ là sự khác biệt giữa các tín hiệu và vô âm thanh mà là sự khác biệt giữa các thế giới quan. Theo ông: “Mỗi ngôn ngữ chứa trong nó cả một mạng lưới các khái niệm và cách thức hình dung của một phần nhân loại”. “Ngôn ngữ của một dân tộc là linh hồn của dân tộc đó và linh hồn của một dân tộc được thể hiện chính trong ngôn ngữ của họ” [5].

Ngôn ngữ là hệ thống các ký hiệu xem như chứa đựng giá trị văn hóa. Có thể nói ngôn ngữ là biểu trưng cho văn hóa. Như Li (2002) nhấn mạnh: “không có ngôn ngữ có lẽ không thể có văn hóa” [6]. Theo như Mc Daniel (2007) mối quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ là mối quan hệ hai chiều. Trong đó, tác giả nhấn mạnh vai trò của văn hóa: “Văn hóa gây sức ảnh hưởng lớn tới ngôn ngữ. Văn hóa ảnh hưởng tới suy nghĩ và cảm nhận của con người về thực tại”. Ngôn ngữ và văn hóa có mối quan hệ qua lại và đối ứng cho nhau. Văn hóa dường như là tinh thần của ngôn ngữ và ngược lại.

GS.TS. Nguyễn Đức Tồn quan niệm: “Đặc thù của văn hóa được biểu hiện trong ngôn ngữ đã quy định đặc trưng văn hóa dân tộc của hành vi nói năng ở những người thuộc cộng đồng văn hóa - ngôn ngữ khác nhau”. Trong cuốn sách *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, ông cũng đã nêu rõ: “Ngôn ngữ là yếu tố văn hóa quan trọng hàng đầu mang sắc thái dân tộc rõ ràng nhất. Tuy nhiên ngoài ngôn ngữ, còn có các thành tố khác của văn hóa cũng

## CULTURE

mang đặc trưng dân tộc như phong tục, tập quán, truyền thống” [2].

Tóm lại, văn hóa và ngôn ngữ có mối quan hệ mật thiết. Các khía cạnh văn hóa, phong tục, và lối sống được thể hiện qua ngôn ngữ. Ngôn ngữ, tư duy hay văn hóa không phải là một nhưng chúng luôn tồn tại cùng nhau. Văn hóa luôn tác động đến hình thức sử dụng ngôn ngữ: Mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng giao tiếp dựa vào quan điểm văn hóa của dân tộc mình. Tục ngữ không chỉ thuộc về ngôn ngữ mà còn phản ánh nhiều về nền văn hóa của từng dân tộc. Nói cách khác, chúng được xem như là tấm gương phản ánh truyền thống văn hóa xã hội theo những cách chuẩn nhất. Có thể nhận thấy có mối quan hệ mật thiết giữa văn hóa, ngôn ngữ được thể hiện rõ thông qua tục ngữ Anh.

#### 4. Đặc điểm văn hóa của tục ngữ Anh về kinh nghiệm lao động sản xuất (Cultural characteristics of English Proverbs related to working experiences)

Vương quốc Anh là đảo quốc nằm ở tây bắc châu Âu, được bao quanh bởi Đại Tây Dương và Biển Bắc, ngăn cách với lục địa bởi eo Dover và eo biển Anh. Với đặc điểm về điều kiện tự nhiên và khí hậu lạnh giá và sương mù tạo nên những đồng cỏ mênh mông, thực vật khó sinh trưởng, thích hợp cho chăn nuôi theo bầy đàn. Điều kiện địa lý và khí hậu đã góp phần tạo nên đặc trưng văn hóa phương Tây-nền văn hóa du mục. Loại hình văn hóa du mục nghề chăn nuôi gia súc đòi hỏi phải sống theo lối du cư, không ổn định, ít phụ thuộc vào thiên nhiên. Trong lao động, thông qua quan sát các sự vật, hiện tượng người Anh có thể rút ra các bài học kinh nghiệm để có thể ứng xử với thiên nhiên.

Khảo sát các câu tục ngữ về lao động sản xuất, ta thấy tục ngữ với chủ đề chăn nuôi xuất hiện 28 lần chiếm 3.56%, kinh nghiệm thời tiết 316 lần (41,41%), tục ngữ nói về trồng trọt 16 câu, tục ngữ về thái độ của con người với lao động 345 lần xuất hiện chiếm 48%.

Khác với Việt Nam, nước Anh có đồng cỏ rộng lớn hơn nhiều nước khác tạo điều kiện thuận lợi cho việc chăn nuôi cừu lấy sữa, thịt và lông. Cừu được coi là gia súc chính yếu của nước Anh từ nhiều năm nay. Hình ảnh con cừu xuất hiện nhiều trong các câu tục ngữ Anh:

*A leap year is never a good sheep year*  
Năm nhuận không được mùa nuôi cừu

Loại hình văn hóa phương Tây (văn hóa động) nên cuộc sống của dân du mục không phụ thuộc vào thiên nhiên, nảy sinh tâm lý coi thường thiên nhiên và có tham vọng chinh phục, chế ngự tự nhiên. Từ xa xưa, khi hai người Anh gặp nhau câu đầu tiên họ hỏi nhau

là về thời tiết. Từ các người nông dân, người chăn cừu cho tới các thủy thủ đều dựa vào các hiện tượng tự nhiên, những dấu hiệu trên trời để dự đoán thời tiết ôn hòa hay có bão bằng cách quan sát mây, mặt trời mặt trăng, thực vật và động vật. Họ nắm được nguyên lý áp suất khí quyển thay đổi có ảnh hưởng tới yếu tố thời tiết tại khu vực của mình.

*The higher the clouds the better the weather*  
Mây cao trời đẹp  
*Rainbow at noon, more rain soon.*  
Cầu vồng buổi trưa, mưa rào đến sớm

Ngoài các hiện tượng thiên nhiên được người dân đúc kết thành kinh nghiệm quý báu như mây, mưa, nắng, gió, bão, cầu vồng, còn cả những hiện tượng gần gũi ở môi trường xung quanh như cây cỏ, con vật để rút ra kinh nghiệm về thời tiết như:

*If bees stay at home rain will soon come; if they fly away, fine will be the day*  
Ông chui trong tổ mưa ngập trời, ông bay cao trời đẹp  
*Trout jump high, when a rain is nigh.*  
Cá Hôi nhảy cao mưa rào lại tới

Ngay từ sơ khai của xã hội loài người, con người dần dần nhận ra rằng sự hiểu biết của mình về thế giới tự nhiên, xã hội và bản thân mình phụ thuộc vào nhiều nhân tố trong đó có lao động sản xuất. Con người và xã hội loài người được hình thành và phát triển trong quá trình sản xuất. Lao động là hoạt động có mục đích của con người. Trên cơ sở nền kinh tế lãnh địa tự nhiên, nền văn hóa du mục thiên về tư duy phân tích, coi trọng vai trò của các yếu tố khách quan, nghề chăn nuôi du mục đòi hỏi sự khẳng định vai trò cá nhân, đối tượng tiếp xúc hàng ngày là đàn gia súc. Trong quá trình lao động sản xuất, người dân Anh không chỉ rút ra được bài học kinh nghiệm bằng sự quan sát và tư duy của mình để tạo ra của cải vật chất trong quá trình lao động mà còn thể hiện được thái độ và nhận thức của bản thân mình đối với lao động.

*Choose a horse made, and a man to make*  
Chọn người để làm

*A servant is known by his master's absence*  
Vắng chủ nhà gà vọc đuôi tôm

*A man of many trades begs his bread on Sunday*  
Một nghề thì sống đồng nghề thì chết

*Trade is the mother of money*  
Phi thương bất phú

Trong ngành nông nghiệp Anh, có nhiều nghề nông từ chăn nuôi động vật đến trồng trọt. Người nông dân làm các công việc lao động tay chân ngoài trời trên các nông trang hay trên thảo nguyên. Trong lao động sản xuất, người Anh không chỉ tích lũy được những

## CULTURE

bài học kinh nghiệm nhằm giúp cho lao động đạt hiệu quả tốt mà qua đó họ còn thể hiện được cách nhìn nhận, đánh giá của mình đối với công việc và từ đó có cách ứng xử phù hợp với công việc của mình.

*No bee, no honey; no work, no money  
Có làm thì mới có ăn*

*Trade is the mother of money  
Phi thương bất phú*

*A good servant often makes a bad master  
Đầy tớ giỏi thường làm nên ông chủ tồi*

### Kết luận

Ngôn ngữ và văn hóa có mối liên hệ mật thiết với nhau, không thể tách rời nhau. Ngôn ngữ là một phần của văn hóa và đóng một vai trò quan trọng trong văn hóa của từng dân tộc. Đặc trưng văn hóa du mục là nét nổi trội trong các câu tục ngữ Anh về lao động sản xuất. Trong các câu tục ngữ về kinh nghiệm lao động sản xuất, kinh nghiệm về thời tiết chiếm tương đối nhiều. Những kinh nghiệm này chủ yếu được đúc kết từ thực tiễn trong quá trình lao động sản xuất.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Trần Ngọc Thêm (1999), *Đặc trưng Văn hóa Việt Nam*, Nxb TP HCM, TP. HCM.
2. Nguyễn Đức Tồn (2002), *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy người Việt (Trong sự so sánh với những dân tộc khác)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

### Tiếng Anh

3. Dundes, A. (1975). *On the structure of the proverbs*. Proverbium.
4. Hofstede, G. (1980). *Culture's Consequences: International Differences in Work related Values*. London: Sage Publications.
5. Humboldt V., (1960). *Về sự khác biệt trong tổ chức của các ngôn ngữ và sự tác động của nó đối với sự phát triển tâm hồn dân tộc*, trong "Lịch sử ngôn ngữ học thế kỷ XIX-XX do Zveginxhev V.A. Uchpedgiz, Moskva.
6. Li, F.T. (2002). *The acquisition of metaphorical expressions, idioms, and proverbs by Chinese Learners of English: A conceptual metaphor and image*.
7. Mieder, Wolfgang (1993). *The Prentice Hall Encyclopedia of World Proverbs*. London: Prentice - Hall Press.
8. Norrick, N.R. (1989). *Proverbial Linguistics: linguistic Perspective on Proverbs*. University of Trier, Trier, Green.
9. Rosalind Fergusson. *The penguin dictionary Proverbs (Bloomsbury books)*. London
10. Martin H. Manser (2007). *The facts on file dictionary of proverbs*. New York.
11. Simpson, J.A. and J. Speake (2008). *The Concise Oxford dictionary of Proverbs*.